

Bản án số: 35A/2024/DS-ST

Ngày 09 - 5 - 2024

“*V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Minh Thân

Ông Phạm Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyễn Việt Cường - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 369/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2024/QĐXXST-DS ngày 08/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 369/2024/QĐST-DS ngày 23/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S, địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: E L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Prart J - Giám đốc Công ty TNHH S. Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài V - Nhân viên Công ty TNHH S (Quyết định số 04-03/2023/UQ-SVN ngày 01/01/2023). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: K đường H, tổ D, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo Đơn khởi kiện ngày 18/9/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH S là ông Võ Hoài V trình bày:**

Vào ngày 18/5/2022, bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH S Chi nhánh Đ ký kết Hợp đồng cầm cố số DNM220501015NA16X. Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số DNM220501015NA16X ngày 18/05/2022 thể hiện bà H chấp nhận cầm cố cho Công ty TNHH S 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH Mode 125cc mang biển số 43D1-626.39 vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 18/05/2022 đến ngày 18/05/2023, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày kí hợp đồng và nhận tiền.

Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH S đã giải ngân cho bà H số tiền cầm cố là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), đồng thời Công ty đã nhận bảo đảm

khoản tiền cầm cố trên bằng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH Mode 125cc mang biển số 43D1-626.39, thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H.

Ngày 18/05/2022, bà Nguyễn Thị H đã ký Giấy ủy quyền cho Công ty TNHH S được thay mặt bà H “quản lý, sử dụng, định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe mang biển kiểm soát 43D1-626.39. Cùng ngày, bà Nguyễn Thị H ký Giấy mượn xe ngày 18/5/2022 xin mượn lại chiếc xe máy đang cầm cố trong thời hạn một tháng từ ngày 18/05/2022 đến hết ngày 18/06/2022 và phía nguyên đơn đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho phía bị đơn.

Tuy nhiên, kể từ ngày 18/06/2022 cho đến nay, bà Nguyễn Thị H mặc dù đã nhận đủ số tiền cầm cố nhưng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết trong hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe mặc dù Công ty TNHH S đã liên hệ nhiều lần nhưng bà H vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù đã quá thời hạn cầm cố từ lâu. Hơn nữa, xe máy Honda SH Mode 125cc mang biển số 43D1-626.39 cho bà H mượn lại đã quá hạn nhưng bà H vẫn không mang trả lại tài sản cầm cố trên cho Công ty TNHH S.

Vì vậy, Công ty TNHH S khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền gốc và lãi tạm tính từ ngày 18/6/2022 đến ngày 18/5/2023 là 31.686.000 đồng (ba mươi một triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng), bao gồm: tiền gốc là 15.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.103.691 đồng, phí quản lý hồ sơ là 501.678 đồng, phí trễ hạn là 11.300.000 đồng đối với hợp đồng cầm cố tài sản số DNM220501015NA16X ngày 18/5/2022 và phí mượn xe là 3.780.000 đồng đối với Giấy mượn xe ngày 18/5/2022;

Buộc bà Nguyễn Thị H phải giao trả lại 01 chiếc xe Honda SH Mode 125cc biển kiểm soát số 43D1-626.39 cầm cố mà phía bà H đã mượn lại của Công ty TNHH S, để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố và bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị H phải giao trả lại 01 xe Honda SH 150cc, có biển kiểm soát số 43D1-243.28 cho Công ty TNHH S và rút yêu cầu khởi kiện về nội dung buộc bà Nguyễn Thị H trả phí quản lý hồ sơ là 501.678 đồng.

Thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/5/2024 là 24.841.118 đồng (hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi một ngàn một trăm mười tám đồng), bao gồm: tiền gốc là 15.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.605.000 đồng, lãi quá hạn là 4.456.118 đồng đối với hợp đồng cầm cố tài sản số DNM220501015NA16X ngày 18/5/2022 và phí mượn xe là 3.780.000 đồng đối với Giấy mượn xe ngày 18/5/2022.

*Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn là*

bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt tại các phiên hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên Tòa hai lần mà không có lý do. Vì vậy, bà Nguyễn Thị H không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Nguyên đơn giao nộp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH S một thành viên mã số doanh nghiệp: 2901807716 cấp ngày 29/10/2020 tại Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh N (Bản sao); Hộ chiếu của ông Prart J, giám đốc Công ty TNHH S (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh Đ 01 - Công ty TNHH S: 2901807716-037 cấp ngày 17/03/2020 tại Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Đ cấp (Bản sao); Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 127/GCN ngày 02/7/2020 (Bản sao); Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng (Bản sao); Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 18/05/2022 của bà Nguyễn Thị H (Bản sao); Hợp đồng cầm cố số DNM220501015NA16X ngày 18/05/2022 + Phụ lục Hợp đồng cầm cố (Bản sao); Giấy ủy quyền ngày 18/05/2022 của bà Nguyễn Thị H cho Chi nhánh Đ 01 - Công Ty TNHH S (Bản photo); Giấy mượn xe ngày 18/05/2022 của Bà Nguyễn Thị H (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 009462 cho bà Nguyễn Thị H biển số đăng ký 43D1-626.39 do Công an Đ1 cấp ngày 25/03/2022 (Bản sao); Giấy ủy quyền số 04-02/2023/UQ-SVN ngày 01/01/2023; Căn cước công dân Trần Tuấn A, Nguyễn Thị H (Bản photo); Giấy xin chuyển tiền dự phòng cầm cố xe (Bản sao); Phiếu chi ngày 18/5/2022 (Bản sao); Giấy ủy quyền số 04-03/2023/UQ-SVN ngày 01/01/2023; Văn bản chấm dứt ủy quyền cho ông Trần Tuấn A. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh tại địa phương ngày 05/01/2024. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án chấp hành những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 117, 280, 309, 310, 314 và 316 Bộ luật Dân sự giải quyết theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2024 là 24.841.118 đồng (hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi một ngàn một trăm mười tám đồng), bao gồm: tiền gốc là 15.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.605.000 đồng, lãi quá hạn là 4.456.118 đồng đối với hợp đồng cầm cố tài sản số DNM220501015NA16X ngày 18/5/2022 và phí mượn xe là 3.780.000 đồng đối với Giấy mượn xe ngày 18/5/2022 và tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 10/5/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng cầm cố số DNM220601019NA12X ngày 23/6/2022.

Sau khi bà **H** thanh toán đầy đủ các khoản tiền nêu trên, **Công ty TNHH S** trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 43 009462 do **Công an quận T**, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/03/2022 cho bà **Nguyễn Thị H**.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện buộc bà **Nguyễn Thị H** trả phí quản lý hồ sơ là 501.678 đồng và yêu cầu khởi kiện buộc bà **H** phải giao trả lại 01 xe Honda SH Mode 125cc biển kiểm soát số 43D1-626.39 mà bà **H** đã mượn lại của **Công ty TNHH S**.

Về án phí: Bà **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, **Công ty TNHH S** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị H** trả tiền theo Hợp đồng cầm cố số DNM220501015NA16X ngày 18/05/2022 là quan hệ tranh chấp dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”. Bị đơn là bà **Nguyễn Thị H** hiện có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ **K đường H, tổ D, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

**Công ty TNHH S** được **Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh N** cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 2901807716 cấp ngày 29/10/2020 đăng ký nội dung kinh doanh ở mục 27: hoạt động cấp tín dụng khác, Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ. **Công ty TNHH S** ký kết với bà **Nguyễn Thị H** Hợp đồng cầm cố số DNM220501015NA16X ngày 18/05/2022 với mục đích cho bà **H** cầm cố tài sản để vay tiền. Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật; nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng trên cơ sở qui định tại các Điều 117, 280, 309, 310, 311, 312, 313, 314 và 316 Bộ luật Dân sự. Nay, **Công ty TNHH S** khởi kiện yêu cầu bà **H** thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của hợp đồng cầm cố nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 117, 280, 309, 310, 311, 312, 313, 314 và 316 của Bộ luật Dân sự; để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Võ Hoài V**, bị đơn bà **Nguyễn Thị H**. Tại phiên tòa, ông **V** có mặt, bà **H** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê căn cứ vào Điều 222; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà **Nguyễn Thị H**.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Ngày 18/5/2022, bà Nguyễn Thị H (Bên cầm cố) và Công ty TNHH S Chi nhánh Đ (Bên nhận cầm cố) ký kết Hợp đồng cầm cố số DNM220501015NA16X. Cụ thể: Khách hàng – bà H đồng ý giao tài sản cầm cố cho Công ty TNHH S quản lý, sử dụng, định đoạt, cầm cố là xe máy nhãn hiệu Honda SH Mode 125cc, loại xe hai bánh, biển số đăng ký 43D1-626.39 và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 43 009462 do Công an quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/3/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H; giá trị tài sản cầm cố 19.500.000đ. Đồng thời, Công ty TNHH S đã cho bà H cầm cố số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) theo Phiếu chi ngày 18/5/2022; thời hạn cầm cố là 12 tháng, từ ngày 18/5/2022 đến 18/5/2023, lãi suất 1,1%/tháng. Và nếu khách hàng muốn gia hạn hợp đồng thì phải báo cho Công ty TNHH S 15 ngày làm việc trước ngày hết hạn hợp đồng. Hợp đồng cầm cố nêu trên được đăng ký giao dịch bảo đảm trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ2: Giaodichdambao/botuphap theo web: <http://dktructuyen.moj.gov.vn/>. Ngoài ra, hai bên còn ký kết Phụ lục Hợp đồng cầm cố.

Bà H có ký Giấy mượn xe ngày 18/5/2022, Công ty TNHH S cho bà H mượn lại xe nêu trên để có phương tiện đi lại phục vụ công việc cá nhân, thời hạn mượn xe từ ngày 18/5/2022 đến 18/6/2022.

Như vậy, Hợp đồng cầm cố và Phụ lục Hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe nêu trên được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H và Công ty TNHH S hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 117, 309, 310 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực ràng buộc các bên tham gia kể từ thời điểm ký kết.

[4.2] Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố, sau khi nhận đủ số tiền cầm cố 15.000.000 đồng, bà H chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền ở kỳ thanh toán nào cho đến thời điểm hiện tại, như vậy bà H không thực hiện đúng thời hạn cam kết về nội dung thỏa thuận trả tiền gốc, lãi, phí và trả xe máy biển số đăng ký 43D1-626.39 là vi phạm Hợp đồng cầm cố: “Thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 18/5/2022 đến 18/5/2023” (Điều 3), “Lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền,” Thời hạn thanh toán:..vào ngày 18 hàng tháng từ tháng 6/2022 đến tháng 05/2023”, “Lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố...” (Điều 4), tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Phí hợp lý khác theo quy định tại mục 1 của Phụ lục về Điều khoản chung đính kèm Hợp đồng này” (Điều 5) và Giấy mượn xe: “Thời hạn mượn xe là 30 ngày, từ ngày 18/5/2022 đến 18/6/2022”, “trả lại xe khi hết hạn”.

Vì vậy, căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự, căn cứ vào bảng tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của Công ty S ngày 09/5/2024, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2024, cụ thể:

- Đối với hợp đồng cầm cố tài sản số DNM220 501015NA16X ngày 18/5/2022: Tiền gốc là: 15.000.000 đồng; đồng lãi trong hạn là 1.605.000 đồng, lãi quá hạn là 4.456.118 đồng.

- Đối với Giấy mượn xe ngày 18/5/2022: Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là: 315.000đ x 12 tháng = 3.780.000 đồng.

Tổng số tiền bà **H** phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty TNHH S** là: 15.000.000 đồng + 1.605.000 đồng + 4.456.118 đồng + 3.780.000 đồng = 24.841.118 đồng (hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi một ngàn một trăm mười tám đồng).

Sau khi bà **Nguyễn Thị H** thanh toán đầy đủ các khoản tiền nêu trên, **Công ty TNHH S** trả lại cho bà **Nguyễn Thị H** bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 43 009462 do **Công an quận T**, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/3/2022 đứng tên bà **Nguyễn Thị H** theo quy định tại Điều 316 Bộ luật dân sự.

[4.3] Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của **Công ty TNHH S** rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung buộc bà **Nguyễn Thị H** trả phí quản lý hồ sơ là 501.678 đồng và yêu cầu buộc bà **H** phải giao trả lại 01 xe Honda SH 150cc, biển kiểm soát số 43D1-626.39 mà bà **H** đã mượn lại của **Công ty TNHH S**. Xét việc rút các yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH S** được chấp nhận nên bà **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 309, 310, 314 và 316 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty TNHH S** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị H** về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

### Tuyên xử:

1. Buộc bà **Nguyễn Thị H** phải thanh toán cho **Công ty TNHH S** số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2024 là 24.841.118 đồng (hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi một ngàn một trăm mười tám đồng), trong đó:

+ Tiền gốc là: 15.000.000 đồng.

+ Lãi trong hạn là: 1.605.000 đồng

+ Lãi quá hạn là: 4.456.118 đồng

+ Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là: 3.780.000 đồng.

Và tiền lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày 10/5/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc theo Hợp đồng cầm cố số DNM220501015NA16X ngày 18/5/2022.

Sau khi bà Nguyễn Thị H thanh toán đầy đủ các khoản tiền nêu trên Công ty TNHH S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 43 009462 do Công an quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/3/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty TNHH S đối với các nội dung buộc bà Nguyễn Thị H trả phí quản lý hồ sơ là 501.678 đồng và buộc bà Nguyễn Thị H giao trả 01 chiếc xe Honda SH Mode 125cc biển kiểm soát số 43D1-626.39 mà bà H đã mượn lại của Công ty TNHH S.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.242.055đ (Một triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn không trăm năm mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí là 669.850đ (sáu trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm năm mươi đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001117 ngày 07/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Công ty TNHH S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (09/5/2024), bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê ;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê ;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoàng Dũng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



